

I. MA TRẬN

T T	Kĩ năng	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổn g % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TN	T L	TN	T L	TN	T L	TN	T L	
1	Đọc hiểu	Truyện ngụ ngôn	3	0	5	0	0	2	0		60
2	Viết	Nghị luận về một vấn đề trong đời sống.	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tổng			15	5	25	15	0	30	0	10	100
Tỉ lệ %			20		40%		30%		10%		
Tỉ lệ chung			60%				40%				

II. BÀN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao

1	Đọc hiểu	Truyện ngụ ngôn	Nhận biết: - Nhận biết được thể loại, chi tiết tiêu biểu của văn bản. - Nhận biết được sự việc, hành động trong truyện. - Nhận diện được nhân vật, tình huống trong truyện ngụ ngôn. Thông hiểu: - Phân tích tác dụng của các chi tiết, hình ảnh tiêu biểu, dấu chấm ba chấm. - Trình bày được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, qua lời của người kể chuyện. Vận dụng: - Rút ra được bài học cho bản thân từ nội dung, ý nghĩa của câu chuyện trong tác phẩm.	3TN	5TN	2TL	
2	Viết	Nghị luận về một vấn đề trong đời sống : <i>Sống trải nghiệm là lối sống rất cần thiết cho giới trẻ hôm nay</i>”.	Nhận biết: Nhận biết được yêu cầu của đề về kiểu văn bản, về vấn đề nghị luận. Thông hiểu: Viết đúng về nội dung, về hình thức (Từ ngữ, diễn đạt, bố cục văn bản...) Vận dụng: - Viết được một bài văn nghị luận về một vấn đề trong cuộc sống. - Lập luận mạch lạc, biết kết hợp giữa lí lẽ và dẫn chứng để làm rõ vấn đề nghị luận; ngôn ngữ trong sáng, giản dị; thể hiện được cảm xúc của bản thân trước vấn đề cần bàn luận. Vận dụng cao: Có sự sáng tạo về dùng từ, diễn đạt, lựa chọn lí lẽ, dẫn chứng để bày tỏ ý kiến một cách thuyết phục.				1TL*
Tổng				3TN	5TN	2 TL	1 TL

Tỉ lệ %		20	40	30	10
Tỉ lệ chung		60		40	

III. ĐỀ KIỂM TRA

PHẦN I: ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:

CÂU CHUYỆN MÈO DẠY HỔ

Ngày xưa, Hổ không biết cách bắt mồi như Mèo. Một hôm, Hổ đến gần Mèo dõ dãnh:

- Bác Mèo ơi, tôi là người cùng họ với bác. Tôi và bác giống nhau như hệt. Mình tôi cũng vằn vằn như mình bác. Tôi có râu, bác cũng có râu. Tôi có vuốt sắc bác cũng có. Tôi có đuôi dài, đuôi bác cũng dài. Thế mà bác lại biết rình mồi, biết nhay, biết trèo tài hơn tôi. Chỗ họ hàng với nhau, bác dạy cho tôi biết với.

Mèo nghe lời ngọt ngào, thương Hổ là chỗ họ hàng, liền nói:

- Nhưng bác đừng ăn thịt tôi cơ.

Hổ vỗ về:

- Ai lại ăn thịt người cùng họ bao giờ? Bác nói dối quá, bác cứ tin ở tôi.

Mèo yên tâm dạy Hổ học cách ngồi thu hình rình mồi, cách nhảy bắt mồi, cách vờn, cách mài giũa vuốt.

Hổ học xong lấy làm đắc chí. Đường lúc đói bụng, hổ định vờ Mèo ăn thịt. Hổ bảo:

- Mèo mèo meo!

Ta bắt được Mèo

Ta nhai ngấu nghiến!

Mèo vội trèo tót lên cây, bảo Hổ:

- Mèo mèo meo!

Ta có võ trèo

Ta chưa dạy Hổ.

Hổ tức quá, gầm nhảy dưới đất, nhưng không làm gì được Mèo. Vì thế, bây giờ Hổ không biết trèo như Mèo.

(Nguồn: Tập đọc lớp 1, tập 1 Sách giáo khoa trường phổ thông, trang 56. NXB Giáo dục – 1958.)

Hãy chọn phương án trả lời đúng và viết chữ cái đứng trước phương án đó vào bài làm từ câu 1 đến câu 8(mỗi câu trả lời đúng được 0,5 điểm)

Câu 1: Văn bản trên thuộc thể loại nào?

- A. Truyện cổ tích
- C. Truyện truyền thuyết

- B. Truyện đồng thoại.
- D. Truyện ngụ ngôn

Câu 2: Văn bản trên được kể bằng lời của ai?

- A. lời nhân vật Hổ.
- B. lời nhân vật Mèo.
- C. lời của người kể chuyện.
- D. lời của cả Hổ và Mèo .

Câu 3: Vì sao Mèo nhận lời dạy Hổ?

- A. Vì Hổ dễ dàng Mèo.
- B. Vì Mèo thấy thương Hổ .
- C. Vì Mèo bị Hổ đe dọa.
- D. Vì Mèo nhẹ dạ cả tin và thương

Hổ.

Câu 4: Dấu hai chấm trong văn bản trên có công dụng gì?

- A. Thể hiện lời nói được dùng với nghĩa nhấn mạnh đặc biệt.
- B. Thể hiện lời nói trực tiếp của nhân vật.
- C. Thể hiện phần chú thích, giải thích.
- D. Thể hiện phần liệt kê cụ thể.

Câu 5: Tại sao Mèo lại không dạy hết võ trò cho Hổ?

- A. Vì Mèo có tinh thần cảnh giác.
- B. Vì Mèo chưa có đủ thời gian.
- C. Vì Hổ chưa tiếp thu được.
- D. Vì Hổ không cần học.

Câu 6: Câu tục ngữ nào thể hiện được đúng tính cách của nhân vật Hổ?

- A. Học một biết mười.
- B. Ăn cháo đá bát.
- C. Mở cờ trong bụng.
- D. Chia ngọt sẻ bùi.

Câu 7: Từ “đắc trí” trong văn bản trên có nghĩa là?

- A. Dụ dỗ được người khác.
- B. Được mọi người cổ vũ nhiệt tình.
- C. Tỏ rõ thích thú vì đạt được điều mong muốn.
- D. Rất hào hứng, vui sướng vì được động viên.

Câu 8: Phép liên kết được sử dụng trong câu văn: “Tôi có râu, bác cũng có râu. Tôi có vuốt sắc bác cũng có. Tôi có đuôi dài, đuôi bác cũng dài.” là gì?

- A. Phép lặp.
- B. Phép thế.
- C. Phép nối.
- D. Phép tương phản.

Câu 9: Em có nhận xét gì về cách cử xử của nhân vật Mèo và Hổ trong câu chuyện trên?

Câu 10: Qua văn bản em rút ra được bài học gì cho bản thân ?

PHẦN II. VIẾT (4.0 điểm)

Có ý kiến cho rằng: “Sống trải nghiệm là lối sống rất cần thiết cho giới trẻ hôm nay”. Em hãy viết bài văn bày tỏ quan điểm của mình về ý kiến trên?

..... **HẾT**

IV. HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Yêu cầu	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
Trắc nghiệm	1	D	0,5
	2	C	0,5
	3	D	0,5
	4	B	0,5
	5	A	0,5
	6	B	0,5
	7	C	0,5
	8	A	0,5
Tự luận	9	Học sinh nhận xét hợp lí về cách cư xử của nhân vật Mèo và Hổ: - Nhân vật Mèo: yêu thương, hết lòng giúp đỡ bạn bè; thông minh... - Nhân vật Hổ: vô ơn, lừa lọc dối trá... Lưu ý: Học sinh có thể diễn đạt linh hoạt bằng các từ ngữ khác, nếu hợp lí vẫn cho điểm.	0,5 0,5
	10	HS nêu được bài học cho bản thân theo cách riêng. Có thể hướng tới các bài học sau: + Có thái độ rõ ràng, lên án những kẻ vô ơn. + Dành quan tâm, yêu thương cho bạn bè. + Biết nâng niu, trân trọng tình bạn + Luôn có ý thức biết ơn những người đã giúp đỡ mình. + Chung tay xây dựng tình bạn ngày càng thêm đẹp đẽ. <i>Lưu ý:</i> Học sinh nêu được 1 bài học cho 0,5 2 bài học cho 0,75 điểm. Nếu từ 3 bài học trở lên cho tối đa.	1,0
II		VIẾT	4,0
		a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận	0,25
		b. Xác định đúng yêu cầu của đề. Viết bài văn nghị luận trình bày quan điểm về trải nghiệm là sự	0,25

		cần thiết cho giới trẻ hôm nay.	
		c. <i>Yêu cầu đối với bài văn nghị luận</i> HS có thể trình bày theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau:	0,5
		* Mở bài : Nêu được vấn đề cần nghị luận * Thân bài: - Giải thích được khái niệm trải nghiệm là gì? (Là tự mình trải qua để có được hiểu biết, kinh nghiệm, tích lũy được nhiều kiến thức và vốn sống) - Bình luận và chứng minh về vai trò, ý nghĩa và sự cần thiết của trải nghiệm đối với cuộc sống của con người đặc biệt là tuổi trẻ. + Hiểu biết, kinh nghiệm, có cách nghĩ, cách sống tích cực, biết yêu thương, quan tâm chia sẻ.... + Trải nghiệm giúp bản thân khám phá ra chính mình để có quyết định đúng đắn, sáng suốt...(dẫn chứng) + Giúp con người sáng tạo, biết cách vượt qua khó khăn, có bản lĩnh, nghị lực...(dẫn chứng)). - Chỉ ra những tác hại của lối sống thụ động, ỷ lại, nhàm chán, vô ích, đắm chìm trong thế giới ảo (game), các tệ nạn...(dẫn chứng) * Kết bài : Đánh giá, khẳng định tính đúng đắn của vấn đề nghị luận.	2.5
		d. <i>Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25
		e. <i>Sáng tạo:</i> Có sự sáng tạo về dùng từ, diễn đạt, lựa chọn lí lẽ, dẫn chứng để bày tỏ ý kiến một cách thuyết phục.	0,25
		*Lưu ý: Trên đây chỉ là những gợi ý mang tính định hướng chung.Giáo viên căn cứ vào những bài làm cụ thể của học sinh,linh hoạt chấm điểm cho phù hợp,khuyến khích những bài làm có tính sáng tạo.	

Hết

